



Báo cáo thường niên năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – NĂM 2010**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**  
**(BECAMEX BMC)**



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

Báo cáo thường niên năm 2010

Số 01/BC.HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2011

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

### A. TÓ CHỨC NIÊM YẾT:

- Tên tổ chức niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**
- Tên giao dịch: **BECAMEX BMC**
- Địa chỉ: Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Email: [Becamexbmc@yahoo.com.vn](mailto:Becamexbmc@yahoo.com.vn)
- Điện thoại: 0650-3688126; Fax: 0650-3688125
- Vốn điều lệ: **60.000.000.000 đồng.**
- Mã chứng khoán: **BMJ.**

### B. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010:

#### 1/ LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

##### 1/- Lịch sử hoạt động:

- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex tiền thân là Xí nghiệp khai thác khoáng sản trực thuộc Công Ty đầu tư và phát triển công nghiệp - Becamex IDC (nay là Tổng Công Ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV) thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2001, là đơn vị hạch toán báo sổ, có trụ sở giao dịch tại Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Xí nghiệp khai thác khoáng sản đã trở thành Công Ty cổ phần, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000553 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2008. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Tính đến ngày 31/12/2010).

- Để xây dựng thương hiệu và hệ thống quản lý chất lượng, Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex đã thực hiện lập thủ tục có liên quan và được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn - QUACERT (Thuộc Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng) cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 theo giấy chứng nhận số: 747/09/QĐ-QUACERT ngày 20 tháng 01 năm 2009.





- Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để thực hiện đăng ký chứng khoán. Ngày 12 tháng 11 năm 2009 Công Ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số: 85/2009/GCNCP-VSD ngày 12 tháng 11 năm 2009.

- + Tên chứng khoán: Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex.
- + Mã chứng khoán: BMJ.

- Thực hiện quy định theo Luật chứng khoán, tháng 12 năm 2010 phối hợp với đơn vị tư vấn, Công Ty đã thiết kế xây dựng hoàn thiện trang Web và đang chạy thử nghiệm với địa chỉ Website: [Becamexbmj.com.vn](http://Becamexbmj.com.vn)

## **2/- Quá trình phát triển:**

### **a) - Ngành nghề kinh doanh:**

- + Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát).
- + Sản xuất vật liệu xây dựng.
- + Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản.
- + Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- + San lấp mặt bằng.
- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân.

### **b) - Tình hình hoạt động:**

- Với chức năng và ngành nghề kinh doanh đa dạng, nhưng hiện nay Công Ty chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất chủ yếu là khai thác và chế biến sản phẩm đá xây dựng các loại, với nhiều kích cỡ khác nhau: Đá hộc; đá 4x6; đá 1x2-L.16; đá 1x2-L.25; đá 0x4; mi sàng; mi bụi.

- Tất cả sản phẩm đá xây dựng do Công Ty sản xuất chế biến, qua thử nghiệm về các chỉ tiêu chất lượng theo TCVN của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quality Assurance & Testing center 3) kết quả đều đạt để phục vụ cho kết cấu dúc Bê tông... Phần lớn sản phẩm của Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex là phục vụ các công trình trọng điểm của tỉnh Bình Dương như: Xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp, đường xá, cầu cống và đặc biệt là xây dựng Khu liên hợp Dịch vụ đô thị và Thành phố mới Bình Dương do Tổng Công Ty Đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) làm chủ đầu tư. Với chất lượng công trình thật sự hoàn hảo và mang tính bền vững.

- Nhằm đa dạng hóa sản phẩm đồng thời đáp ứng yêu cầu thị trường, trong năm 2010 thực hiện chủ trương của HĐQT, Công ty đã triển khai thành lập Công Ty cổ phần Đá ộp lát An Bình, vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng, trong đó Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex góp 60%/VDL, Công Ty cổ phần Đạt Hưng Thịnh góp 30%/VDL, cá nhân khác 10%. Sản phẩm chính của Công Ty là Đá ộp lát đứng lót nền, định hướng cung cấp cho công trình xây dựng Thành phố mới Bình Dương do Tổng Công Ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) làm chủ đầu tư.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688120 / Fax: 0650 606125

### 3. Định hướng phát triển của Công Ty:

#### a)- Các mục tiêu chủ yếu:

- Thực hiện chính sách chất lượng "An toàn - Hiệu quả - Đổi mới để phát triển", mục tiêu chủ yếu của Công Ty là ngày càng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và ổn định lực lượng lao động trực tiếp sản xuất, cải tiến và nâng cấp máy móc thiết bị có liên quan, tiến tới sẽ dần hiện đại hóa máy móc thiết bị, sản phẩm đa dạng với chất lượng cao, xây dựng nề nếp tác phong công nghiệp trong sản xuất, thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn - Quacert cấp chứng nhận ISO 9001:2000.

- Thâm dò nâng cấp trữ lượng và mở rộng xuống độ sâu **cos 0** để tăng trữ lượng khai thác cho những năm tiếp theo.

- Tiếp tục đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh nhà máy cửa cát đá ốp lát (Thuộc Công Ty cổ phần đá Ốp lát An Bình), sớm đưa vào hoạt động tạo ra sản phẩm phục vụ kịp thời cho nhu cầu thị trường trong thời điểm hiện nay.

#### b)- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trong điều kiện Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo định hướng chung của Tổng Công Ty, với điều kiện cùng với năng lực hiện có, Công Ty sẽ tiến tới mở rộng đầu tư thâm dò tìm mỏ đá mới trong khu vực lân cận để dự trữ và ổn định nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất lâu dài.

- Căn cứ tình hình thị trường, Công Ty sẽ mở rộng chức năng kinh doanh, nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới từ nguyên liệu đá như gạch không nung, mua bán VLXD, san lấp mặt bằng v.v. trong phạm vi giấy phép đã đăng ký, phù hợp với năng lực hiện tại của mình, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

### III- BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex (Becamex BMC) có tổng số vốn điều lệ được đăng ký là: **60.000.000.000** đồng, trong đó vốn Nhà nước do Tổng Công Ty Dầu tư & phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) trực tiếp quản lý 74,66%, vốn của các cổ đông khác 25,34%. Tổng số cổ đông chốt đến ngày 05 tháng 4 năm 2011 là: 173 cổ đông.

Trong năm 2010, HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tham gia chỉ đạo và giám sát xuyên suốt việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công Ty trong các lĩnh vực sau:

- Việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHQĐ và HĐQT.
- Công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.



**1- Việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT:**

Trong năm qua, Ban Tổng Giám Đốc Công Ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT cụ thể như:

- Thực hiện các hồ sơ và thủ tục pháp lý có liên quan trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định giá để làm quyền sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất, thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

- Thực hiện các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ: Thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Thực hiện liên kết thành lập Công Ty con, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tờ trình về đầu tư, điều chỉnh tỷ lệ trích lập quỹ, định mức khoán cho các thiết bị phương tiện xe máy, trình HĐQT và triển khai kịp thời sau khi có phê duyệt của HĐQT.

- Thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công Ty với HĐQT và tranh thủ ý kiến HĐQT để điều hành Công Ty ngày càng tiến bộ hơn.

**2- Công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công Ty:**

- Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành việc tuyển dụng bổ sung, sắp xếp hoàn thiện hơn bộ máy quản lý nghiệp vụ đưa Công Ty đi vào hoạt động hiệu quả, bền vững. Tất cả các hoạt động SXKD của Công Ty đều nằm trong phạm vi hoạt động cho phép của Giấy phép đăng ký kinh doanh, phù hợp với các quy định và Pháp luật Nhà nước hiện hành trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

- Khắc phục được những khó khăn do thời tiết, mưa sét kéo dài, đặc biệt là tình hình cúp điện thường xuyên của ngành điện, việc chăm vận chuyên và sử dụng VLN trong các ngày Tết Nguyên đán, ngày Lễ lớn, trong thời gian dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng đến thu nhập của NLD. Tuy nhiên bằng sự nỗ lực và quyết tâm của mình, Ban Tổng Giám Đốc Công Ty cũng đã tự chủ động bỏ trí sắp xếp để đảm bảo hoạt động sản xuất không đình trệ, thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo được lợi nhuận và tỷ lệ phân phối cổ tức. Các hoạt động SXKD của Công Ty đều tuân thủ theo quy trình do HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đề ra.

- Thường xuyên điều chỉnh kịp thời, linh hoạt để đảm bảo khối lượng sản phẩm cung ứng trên thị trường đầy đủ với chất lượng tốt.

- Thực hiện tốt ổn định đời sống CB,CNV cũng như đảm bảo tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện để NLD ngày càng an tâm trong công việc, ổn định để gắn bó lâu dài với Công Ty.

- Thực hiện đầy đủ về nghĩa vụ, chính sách Thuế theo quy định của Nhà nước.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về khai thác, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thể hiện qua các đợt kiểm tra định kỳ cũng như kiểm tra đột xuất của các ngành chức năng của Tỉnh Bình Dương, đơn vị không để xảy ra vi phạm nào.

- Liên hệ chặt chẽ với Tổng Công Ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp –TNHH MTV (Becamex IDC) về việc sản xuất, cung ứng các loại đá nhằm đáp ứng đầy đủ khối lượng và chất lượng để Tổng Công Ty thực hiện các công trình.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

### Các chỉ tiêu về kết quả SXKD trong năm 2010:

#### <sup>A</sup> Sản xuất:

DVT M<sup>3</sup>

Số TT	Nội Dung	Tồn đầu kỳ	Sản xuất Trong kỳ	Xuất bán Trong kỳ	Tồn kho cuối kỳ
01	Đá các loại	10.896,73	905.213,00	906.675,51	9.434,22
Tỷ lệ so với KH N.2010 (%)			82,29 %	82,43%	

#### \*Doanh thu, chi phí và lợi nhuận:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
01	Tổng Doanh thu	85.000.000.000	85.885.214.184	101,04%
02	Tổng Chi phí	69.000.000.000	71.631.843.176	103,81%
03	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.000.000.000	14.253.371.008	89,08%
04	Lợi nhuận sau thuế	12.000.000.000	10.372.657.073	86,44%

\*Nộp ngân sách Nhà nước ( Thuế, phí các loại ): 13.874.405.483 đồng.

#### 3.Kết luận:

- Trong năm 2010, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã có những chuyển biến tích cực và dần phục hồi, tuy nhiên do ảnh hưởng từ những biến động của tình hình thế giới đã làm cho giá xăng dầu tăng cao, làm cho chi phí đầu vào tăng theo, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trở nên khó khăn hơn nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung, Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex nói riêng. Bằng sự nỗ lực của mình, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành và triển khai thực hiện xuyên suốt hoạt động SXKD để đạt được chỉ tiêu về lợi nhuận và phân phối cổ tức theo kế hoạch đã đề ra.

- Hội đồng Quản trị đánh giá cao những thành quả của tập thể CB,CNV Công Ty, nhất là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Ban Tổng Giám Đốc trong thời gian qua.

- Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc tập trung chỉ đạo và thường xuyên phối kết hợp nhịp nhàng hơn nữa để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, tận dụng thời cơ và cơ hội, khắc phục những khó khăn trong giai đoạn suy thoái kinh tế, đưa Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex ngày càng phát triển hơn nữa, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch và tăng lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi và lợi ích cao nhất trong việc chia cổ tức cho các cổ đông.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:**

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

### **Phần I- TỔNG QUAN:**

Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex (Becamex BMC) đi vào hoạt động dưới hình thức là Công Ty cổ phần, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000553 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 6 năm 2008, SXKD trong phạm vi ngành nghề đã được cấp phép cụ thể như sau:

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát).
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Sản lập mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê nhà ở, căn hộ, Nhà xưởng và Văn phòng; Dịch vụ nhà ở công nhân.

Trong những năm qua Công Ty chỉ tập trung vào lĩnh vực chủ yếu là khai thác đá tại mỏ đá An Bình, Huyện Phú Giáo.

Năm 2009 Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex trở thành Công Ty đại chúng và niêm yết giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (Mã giao dịch: BMJ). T.12/2010 Công Ty đã thiết kế xây dựng hoàn thiện trang Web và chạy thử nghiệm với Địa chỉ Website: [Becamexbmj.com.vn](http://Becamexbmj.com.vn). Đầu năm 2010 Công Ty có 106 cổ đông, tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2011 là: 173 cổ đông với tổng số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng. Trong đó: Vốn Nhà nước do Tổng Công Ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC) trực tiếp quản lý: 74,66%, vốn các cổ đông khác: 25,34%.

Tại Đại Hội đồng cổ đông lần thứ ba (29/4/2010) Đại Hội đã biểu quyết miễn nhiệm bà **Phạm Thị Hiếu** khỏi chức danh thành viên Ban kiểm soát và bầu bà **Bùi Thị Hồng Ánh** là thành viên mới được thay thế trong Ban kiểm soát.

Về cơ cấu tổ chức của Hội Đồng Quản trị và Ban kiểm soát gồm:

- HĐQT: 03 người. Trong đó 1 Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên là người đại diện theo pháp luật với chức danh Tổng Giám Đốc trực tiếp điều hành Công Ty và 01 thành viên còn lại.

- BKS: 03 người. Trong đó 1 Trưởng ban và 02 thành viên.

Qua hơn ba năm đi vào hoạt động, Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex có được những thuận lợi và khó khăn như sau:

### **1- Thuận lợi:**

- Công Ty có sẵn cơ sở vật chất ban đầu, đội ngũ cán bộ quản lý phần lớn được chuyển tiếp và mang tính kế thừa, Ban Tổng Giám Đốc Công Ty là những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác mỏ, có am hiểu về máy móc, phương tiện xe máy, có kinh nghiệm trong việc điều hành sản xuất kinh doanh. Qua hơn 03 năm đi vào hoạt động, bộ máy quản lý ngày càng được nâng lên về chất lượng, nhằm phù hợp với cơ chế tổ chức của Công Ty cổ phần.

- Diện tích mỏ có trữ lượng lớn, máy móc thiết bị phương tiện vận tải đã được đầu tư trước, đáp ứng đủ cho sản xuất... Đó là những lợi thế cơ bản để Công Ty duy trì và ổn định tổ chức sản xuất lâu dài cho những năm tiếp theo.

- Sản phẩm sản xuất của Công Ty chủ yếu được cung cấp cho Tổng Công Ty đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Gọi tắt: Tổng Công Ty), Tổng Công Ty đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm chiếm khoảng 75-> 80%. Đây là thuận lợi cơ bản nhất đối với một doanh nghiệp sản xuất và khai thác khoáng sản.

- Mặc dù vậy, Công Ty cũng đã phải chủ động mở rộng ký kết hợp đồng cung ứng sản phẩm với các đối tác ngoài, với xu hướng dần nâng sản lượng bán ngoài với tỷ lệ tương ứng, nhằm giảm sự lệ thuộc và có thể tự chủ trong việc tiêu thụ sản phẩm của mình.

- Trong lĩnh vực pháp lý: Công Ty luôn nhận được sự giúp đỡ tận tình của các Sở, Ngành địa phương như: Sở Công Thương, Sở Tài nguyên Môi trường, Phòng Quản lý TTXH, Phòng CS PCCC, Phòng Cảnh sát môi trường Công an Tỉnh Bình Dương, Sở Lao động-TBXH, các Ban ngành trong Huyện Phú Giáo... đã tạo điều kiện để giúp Công Ty thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật nhằm phục vụ tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2-Khó khăn:**

- Trong điều kiện tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động, làm cho nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng. Bằng nhiều biện pháp, Chính phủ cũng đã có những chính sách nhằm bình ổn giá, điều chỉnh chính sách tiền tệ... nhằm kiềm chế lạm phát. Tuy nhiên trước những áp lực của sự biến động giá xăng dầu thế giới đã làm cho giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng vọt, chính sách Thuế tài nguyên thay đổi, giá tính thuế (Từ 52% -> 120% so giá UBND Tỉnh quy định trước đây). Từ đó làm cho giá thành đơn vị sản phẩm tăng lên, trong điều kiện giá bán chưa được điều chỉnh hoặc phải cạnh tranh với các đơn vị khác trong khu vực, từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công Ty trong năm 2010.

- Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ tiếp tục củng cố và đào tạo. Lực lượng công nhân lao động trực tiếp có nhiều biến động, việc tuyển dụng công nhân gặp khó khăn, nhất là công nhân lao động phổ thông trong điều kiện khan hiếm lao động như hiện nay, do ảnh hưởng bởi yếu tố về môi trường làm việc thường độc hại, xa xôi hẻo lánh, so



sánh về thu nhập trong khu vực với công nhân cao su hoặc họ chọn một công việc khác phù hợp hơn.

- Tình hình cúp điện thường xuyên của ngành điện là ảnh hưởng lớn nhất đối với việc sản xuất của Công Ty trong năm nay, ngoài việc làm ngưng trệ sản xuất, sản phẩm không đạt kế hoạch mà còn làm thu nhập hàng tháng của công nhân lao động không ổn định, ảnh hưởng đến đời sống của NLD. Nhìn nhận trước thực trạng cúp điện, Công Ty cũng đã tính toán đến phương án sản xuất vào ban đêm nhưng do địa hình khu vực mô hiểm trở và nguy hiểm nên cũng không thể triển khai phương án khắc phục này.

- Do đặc thù của ngành khai thác đá, ngoài sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên như mưa sét kéo dài, địa hình khai thác ngày càng khó do tầng bậc ngày xuống sâu, vận chuyển khó đã làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất. Ngoài ra trong khai thác đá còn phải thực hiện nghiêm ngặt quy định cấm vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ trong các ngày Lễ lớn, nghỉ Tết Nguyên Đán, ngày trọng đại ... đặc biệt trong năm 2010 cả nước mừng đại Lễ ngàn năm Thăng Long - Hà Nội phải nghỉ trong thời gian dài, ảnh hưởng lớn đến tiến độ khai thác.

Trong năm 2010 tuy Công Ty đã tập trung tổ chức khai thác hết thời gian nhưng vẫn chưa đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu so kế hoạch đề ra.

## Phần II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010:

### 1- Sản xuất:

Số TT	Sản phẩm Đá các loại	Tồn kho đầu kỳ	Sản xuất trong kỳ	Xuất bán trong kỳ	DVT: M <sup>3</sup>
					Tồn kho cuối kỳ
1	Đá 0 x 4	1.888,32	774.717,10	773.278,75	3.326,67
2	Đá hộc	4.481,44	96.407,10	100.401,96	486,58
3	Đá 4 x 6	4.055,07	18.804,10	17.506,08	5.353,09
4	Đá mi bụi	455,10	0	352,78	102,32
5	Đá mi sàng	0	417,30	309,66	107,64
6	Đá 1 x 2	16,80	14.867,40	14.826,29	57,91
<b>Cộng:</b>		<b>10.896,73</b>	<b>905.213,00</b>	<b>906.675,51</b>	<b>9.434,22</b>

### 2- Doanh thu, chi phí và lợi nhuận:

DVT: Đồng

TT	Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
01	Doanh thu thuần			
02	Chi phí	85.000.000.000	82.360.974.917	
03	Lợi nhuận từ SXKD	69.000.000.000	68.085.624.950	
04	Doanh thu hoạt động tài chính	16.000.000.000	14.275.349.967	
05	Chi phí bán hàng		2.301.890.519	
06	Chi phí quản lý doanh nghiệp			
07	Lợi nhuận thuần từ SXKD		3.249.385.305	
08	Thu nhập khác		13.327.855.182	
09	Chi phí khác		1.222.348.748	
10	Lợi nhuận khác		296.832.921	
			925.515.827	



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.000.000.000	14.253.371.008	89,08%
12	Thuế TNDN hiện hành	4.000.000.000	3.880.713.935	97,01%
13	Lợi nhuận sau thuế	12.000.000.000	10.372.657.073	86,43%

### 3- Nộp ngân sách Nhà nước:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
01	Thuế môn bài	3.000.000
02	Thuế tài nguyên	4.144.452.514
03	Phí bảo vệ môi trường	937.983.840
04	Thuế GTGT	4.763.967.542
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.861.591.461
06	Thuế thu nhập cá nhân	163.410.126
	<b>Cộng</b>	<b>13.874.405.483</b>

### 4- Trích lập các quỹ:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
01	Quỹ đầu tư phát triển	207.453.142
02	Quỹ dự phòng tài chính	207.453.142
03	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.037.265.707
04	Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>1.542.171.991</b>

**5- Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 9.003.865.362 đ.**  
(Tương đương 15,00% so vốn điều lệ).

**6- Đầu tư:** Thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2010 được đã DHDGD thông qua, Ban Tổng Giám Đốc Công Ty đã triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp, sửa chữa lớn TSCD và trang bị thêm tài sản cụ thể như sau:

**\* Hệ thống máy nghiền sàng:**

- Thực hiện chuyển đổi từ nghiền sàng (Máy nghiền 05) từ đá Hộc sang nghiền sàng đá 1x2, giá trị: 2.150.000.000 đồng.

**\* Phương tiện xe máy:**

- Sửa chữa lớn xe cước SK 400 (Thay bộ bánh xích), giá trị: 371.535.000 đồng.

**\* Đầu tư khác:**

- Lắp mới đường dây điện hạ thế cấp nguồn, giá trị: 124.620.800 đồng.

- Mua mới bộ máy vi tính và phụ kiện kèm theo, giá trị: 10.160.000 đồng.

Tổng cộng giá trị đã đầu tư trong năm: **2.656.315.800** đồng.

### 7- Thành lập Công Ty con:

Với định hướng đa dạng hóa sản phẩm đá xây dựng, ngoài việc cung cấp những sản phẩm chính cho các công trình xây dựng, đường xá, cầu cống, hạ tầng Công nghiệp trên địa bàn, Công Ty đã mở rộng sản xuất ra sản phẩm mới là Đá ốp lát dùng để lát nền, nhằm đáp ứng với yêu cầu thị trường mà đặc biệt là công trình xây dựng Thành



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

Đào tạo thường niên năm 2010

phổ mới Bình Dương do Tổng Công Ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV làm chủ đầu tư.

Thực hiện Nghị Quyết của HĐQT, Công Ty tiến hành góp vốn thành lập Công ty con với tên là: **Công Ty cổ phần đá ốp lát An Bình**, vốn điều lệ **12.000.000.000** đồng, với tỷ lệ vốn góp cụ thể như sau:

- Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex: 7.200.000.000đ - Tỷ lệ: 60%/VDL.
- Công Ty cổ phần Đạt Hùng Thịnh : 3.600.000.000đ - Tỷ lệ: 30%/VDL.
- Cá nhân Nguyễn Hải Đức : 1.200.000.000 đ - Tỷ lệ: 10%/VDL.

Kết thúc năm tài chính, Công Ty đã góp vốn theo tỷ lệ tương ứng với số tiền là: 2.160.000.000 đồng, tương đương 18%/vốn điều lệ (Ứng với 30%/Tỷ lệ vốn góp).

### **8- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:**

- Tổng số cán bộ CNV toàn Công Ty hiện nay là 134 người, trong đó 27 người làm công tác quản lý (chiếm 20,15%), phục vụ sản xuất 11 người (chiếm 8,20%), công nhân lao động trực tiếp 96 người (chiếm 77,65%). Về thu hút lao động: Lao động tại địa phương (Huyện Phú Giáo) là 68 người (chiếm 50,75%), các Huyện khác trong Tỉnh Bình Dương 20 người (chiếm 14,92%), một số cán bộ quản lý có chuyên môn nghiệp vụ và công nhân tuyển dụng ở các Tỉnh, thành khác là 46 người (chiếm 34,33%).

- Bộ máy của Công Ty được bố trí và sắp xếp tinh gọn: Gồm Ban Tổng Giám Đốc; Phòng Tổng Hợp (Kế toán trưởng, Kế toán TH, Kế toán TT, Lao động tiền lương, Bán hàng, Văn thư); 01 đội bảo vệ; 01 đội khai thác; 01 đội xe vận tải; 01 đội kho sản xuất; 01 đội máy xay nghiền gồm 09 hệ thống nghiền sàng đá.

- 100% CB,CNV trong Công Ty đều được thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo Luật Lao Động Nhà nước quy định, những cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ được ký HĐLĐ không xác định thời hạn, công nhân lao động trực tiếp sau thời gian thử việc ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm.

- Thu nhập bình quân người lao động: 05 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ Công Ty luôn thực hiện và đóng đủ các loại bảo hiểm bắt buộc về BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB,CNV trong Công Ty. Khám sức khỏe định kỳ 1 lần / năm, nhằm theo dõi và phát hiện kịp thời đối với bệnh nghề nghiệp. Cấp phát bằng hiện vật về chế độ trợ cấp độc hại hàng tháng cho người lao động. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người bệnh, đặc biệt là lao động nữ, ốm đau, thai sản, chế độ nghỉ phép năm...

### **9- Chính sách đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn:**

Nhằm duy trì chính sách đền ơn, đáp nghĩa. Trong năm 2010 tuy hoạt động SXKD còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex cũng đã tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội tại địa phương như: Ứng hộ Quỹ vì người nghèo Huyện Phú Giáo theo mức đăng ký, thăm hỏi và tặng quà Tết cho người nghèo, ủng hộ Hội CCB, tặng quà Tết trung thu và Quốc Tế thiếu nhi cho các cháu Trường



mầm non trong địa bàn, ủng hộ nhân ngày Thương Binh liệt sĩ 27/7, hỗ trợ kinh phí cho công tác tuyển quân con em lao động lên đường nhập ngũ, hỗ trợ kinh phí HDND Huyện ... Kinh phí hỗ trợ trên được Công Ty trang trải bằng toàn bộ nguồn quỹ phúc lợi với tổng số tiền là: 46 triệu đồng.

#### **10- Các công việc khác:**

- Là đơn vị khai thác mỏ, Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex xác định việc thực hiện an toàn lao động là nhiệm vụ quan trọng và hàng đầu. Ý thức được nhiệm vụ đó nên khi thực hiện việc khai thác đá trong năm 2010 đã không để xảy ra trường hợp tai nạn đáng tiếc nào, đồng thời được UBND Tỉnh Bình Dương tặng bằng khen với Thành tích "Xuất sắc trong phong trào An toàn vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ năm 2010".

- Thực hiện thường xuyên việc gửi đi đào tạo cán bộ chuyên môn học về kỹ thuật nổ mìn theo định kỳ. Phối kết hợp với Thanh tra Sở LĐTBXH Tỉnh Bình Dương tổ chức học tập về an toàn lao động và cấp thẻ an toàn cho toàn thể CB,CNV định kỳ 1 lần / năm theo đúng quy định.

- Thực hiện có hiệu quả các quy trình ISO 9001:2008 đã được cấp chứng nhận. Thể hiện qua các đợt đánh giá định kỳ của tổ chức ISO Công Ty đều thực hiện đúng quy trình quản lý chất lượng.

- Quản lý chặt chẽ về vật liệu nổ công nghiệp cũng như các quy định về khai thác đá, thể hiện qua các đợt kiểm tra của các Sở ban ngành đã không có sai sót.

- Trong năm 2010 Công Ty được Bộ Công Thương tặng Bằng khen "Phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 5 năm"; UBND Tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen và Tổng Công Ty Dầu tư và phát triển công nghiệp TNHH-MTV tặng Giấy khen cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, BHXH Tỉnh Bình Dương tặng giấy khen với thành tích "Thực hiện tốt chính sách BHXH-BHYT"; Cục Thuế tỉnh Bình Dương tặng giấy khen với thành tích "Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế Nhà nước"...

- Duy trì và hoạt động có hiệu quả các tổ chức đoàn thể, BCH Công Đoàn Công Ty luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi NLD như: Tổ chức cho CB,CNV đi tham quan nghỉ mát hàng năm, động viên thăm hỏi kịp thời người lao động bị ốm đau, hoàn cảnh khó khăn, gia đình có hữu sự và các hoạt động thiết thực khác. Đoàn Thanh niên luôn duy trì hoạt động và thường xuyên tham gia các phong trào do Đoàn cấp trên phát động, tổ chức cho ĐVTN tham gia việc phát quang định kỳ dọc đường vào Công Ty để đảm bảo an toàn lưới điện và sự thông thoáng hai bên đường để an toàn giao thông, tham dự giải và thi đấu giao lưu Bóng chuyền do Huyện và địa phương tổ chức.

### **Phần III- PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2011**

Năm 2011 là năm Công Ty xác định là không kém những khó khăn trước mắt. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều bất ổn như hiện nay, chúng ta cũng không thể lường trước được mức độ ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế. Trên thế giới và trong khu vực nói chung, ở Việt nam nói riêng, giá cả thị trường luôn biến động như giá xăng dầu và giá điện tăng làm cho chi phí nguyên liệu đầu vào tăng theo, trong điều kiện hàng hóa bán ra thu hồi vốn chậm, trong khi vật tư mua vào phải thanh toán kịp thời nhất là thuốc nổ, nhiên liệu, tiền điện, chi phí sửa chữa... Chế độ về tiền lương, Thuế tài nguyên tăng, đặc biệt là lao động nghỉ việc nhiều. Tuy vậy, với mục tiêu chung của Công Ty là phải khắc phục được những khó khăn, không ngừng nâng cao tổng giá trị và chất lượng sản phẩm. Trong phương hướng tới Công Ty sẽ đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu khách hàng, mở rộng thêm nhiều đối tượng khách hàng nhỏ lẻ (ngoài các hợp đồng ký kết với các Công Ty cùng thành viên), quan hệ với nhiều nhà cung ứng nhằm cạnh tranh để cung cấp dịch vụ tốt nhất, tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của các phương tiện, bảo quản tốt và sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào, giảm giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận, phát triển sản xuất, đảm bảo quyền lợi về phần chia cổ tức cao nhất cho các nhà đầu tư.

Trong năm 2011 toàn thể CB.CNV trong Công Ty tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chất lượng : **AN TOÀN – HIỆU QUẢ – ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN.**

**Những chỉ tiêu, nhiệm vụ chính của Công Ty trong năm 2011 là:**

#### **I- Kế hoạch sản xuất – Tiêu thụ sản phẩm:**

Số TT	Sản phẩm đá các loại	Đvt	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Đá 0 x 4	m <sup>3</sup>	870.000	870.000
2	Đá hộc	m <sup>3</sup>	50.000	48.000
3	Đá 4 x 6	m <sup>3</sup>	20.000	20.000
4	Đá mi bụi	m <sup>3</sup>	2.000	2.000
5	Đá mi sàng	m <sup>3</sup>	10.000	8.000
6	Đá 1 x 2	m <sup>3</sup>	45.000	45.000
7	Đá khối cưa xẻ	m <sup>3</sup>	3.000	3.000
	<b>Cộng:</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>1.000.000</b>	<b>996.000</b>

**2- Kế hoạch Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận:**
**DVT: Đồng**

TT	Chi tiêu	Số tiền
01	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.635.652.200
02	Giá vốn bán hàng	80.201.115.698
03	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.434.536.502
04	Doanh thu hoạt động tài chính	2.500.000.000
05	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.480.247.827
06	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15.454.288.675
07	Lợi nhuận khác	300.000.000
08	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.754.288.675
09	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.938.572.169
10	Lợi nhuận sau thuế	11.815.716.506

**3- Nộp ngân sách:**

STT	Nội dung	Số tiền
01	Thuế GTGT	5.131.498.278
02	Thuế tài nguyên	6.600.000.000
03	Phí bảo vệ môi trường	1.000.000.000
04	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.938.572.169
	<b>Cộng</b>	<b>16.670.070.447</b>

**4-Trích lập các quỹ:**
**DVT: Đồng**

STT	Nội dung	Tỷ lệ %LNST	Số tiền
01	Quỹ đầu tư phát triển	5%	590.785.825
02	Quỹ dự phòng tài chính	5%	590.785.825
03	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	1.181.571.651
04	Thư lao Hội đồng quản trị	1%	118.157.165
	<b>Cộng</b>	<b>21%</b>	<b>2.481.300.466</b>

**5- Chia cổ tức:** Phần đầu đạt từ 15->16%

**6- Đầu tư:**

Nhằm đáp ứng kịp thời theo nhu cầu thị trường, với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, đạt chất lượng tốt phục vụ cho các công trình trọng điểm trên địa bàn, đặc biệt là các Dự án do Tổng Công Ty Đầu tư & phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC) làm chủ đầu tư. Thực hiện tốt kế hoạch năm 2011 Ban Tổng Giám Đốc Công Ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực sản xuất chính, góp vốn vào Công Ty con cụ thể như sau:

\* Máy móc thiết bị:

+ Mua mới 01 máy phát điện công suất thiết kế 30KVA, phục vụ cho Văn phòng làm việc, giá trị dự kiến: 255.000.000 đồng.

+ Mua 01 xe máy đào 400 (Xe cuốc) để cuốc, cạy đá Moong 02 phục vụ cung cấp nguyên liệu đá ốp lát, giá trị dự kiến: 1,5 tỷ đồng.

+ Nâng cấp hệ thống điện tại moong 02 nhằm phục vụ hệ thống máy khoan đá, tăng sản lượng khai thác moong 02.

\* Góp vốn vào Công Ty cổ phần Đá ốp lát 70%/ Tỷ lệ vốn góp còn lại:

+ Góp vốn đợt 2 số tiền: **2.160.000.000** đồng (Tương ứng 30%/Tỷ lệ vốn góp)

+ Góp vốn đợt 3 số tiền: **2.880.000.000** đồng (Tương ứng 40%/Tỷ lệ vốn góp)

#### **7- Kế hoạch nâng cấp trữ lượng, mở rộng tham dò:**

- Nhằm bảo vệ nguồn nguyên liệu phục vụ SX lâu dài tại mỏ đá An Bình - Phú Giáo, căn cứ theo diện tích đã được Tỉnh phê duyệt, phối hợp với đơn vị có chức năng về tư vấn thăm dò Công Ty đang tiến hành lập thủ tục thăm dò nâng cấp trữ lượng và mở rộng tầng độ khai thác cos 0° nhằm để tăng trữ lượng khai thác cho những năm tiếp theo.

Ngoài ra, về lĩnh vực đầu tư tìm kiếm khoan thăm dò mỏ mới (Mỏ đá) nhằm dự trữ nguồn nguyên liệu, Công Ty xác định đây là chiến lược phát triển lâu dài. Tuy nhiên trong phương hướng tối, thực hiện chủ trương chung từ Tổng Công Ty về việc tăng Vốn điều lệ đến mức tối thiểu của các đơn vị thành viên, Công Ty cổ phần Khoáng sản Becamex sẽ phải lập dự án khả thi, tính toán hiệu quả đầu tư để tiến hành xin chủ trương thực hiện việc mở rộng tham dò, tìm kiếm mỏ nhằm bảo đảm cho chiến lược phát triển lâu dài, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn. Tuy nhiên, trong thực trạng điều kiện vùng quy hoạch tài nguyên đá trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như các khu vực lân cận khác ngày càng hạn hẹp, đồng thời các quy định về khai thác khoáng sản ngày càng ràng buộc và chặt chẽ hơn, ngoài ra với giá cả đền bù đất cao cũng là một trong những khó khăn nhất định trong thời điểm hiện nay.

#### **8- Lao động:**

Tổng số lao động năm 2011 là: 120 người, trong đó:

- Lao động gián tiếp: 27 người (chiếm 22,50%).

- Phục vụ SX: 13 người (chiếm 10,83%).

- Lao động trực tiếp: 80 người (chiếm 66,67%).

Thu nhập bình quân: Dự kiến đạt từ 5,0 -> 5,5 triệu đồng/người/tháng.

Mục tiêu chung của Công Ty là sẽ dần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục cho đi đào tạo những lao động có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật tại công trường.

#### **9- Chế độ chính sách đối với người lao động:**

Tiếp tục thực hiện tốt và thường xuyên các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động như:

- Ký kết hợp đồng lao động đầy đủ theo quy định.

- Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CB.CNV theo quy định.

- Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp 1 lần/năm.

- Thực hiện chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định.

- Học tập về an toàn lao động và cấp thẻ an toàn cho 100% CBCNV, tập huấn các lớp nghiệp vụ kỹ thuật nổ mìn cho công nhân khoan nổ mìn.

- Thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho CB,CNV, người lao động định kỳ hàng tháng/ lần.
- Thực hiện phương thức trả lương, nâng lương, thưởng cho CB,CNV theo quy định Nhà nước và quy chế trả lương khoán của Công Ty cổ phần.
- Trang bị và kiểm tra thường xuyên việc sử dụng bảo hộ lao động đối với người lao động theo quy định.

*Kính thưa Đại hội,*

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2011. Nội dung báo cáo chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Kính trình Đại hội góp ý để thông qua.

*Bình Dương, ngày 12 tháng 04 năm 2011*

**T.M. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
VŨ ĐÌNH ĐĂNG**

#### IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

##### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

#### **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53,956,965,286</b>	<b>51,252,102,913</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,430,429,280	22,643,978,498
1. Tiền	111		10,430,429,280	10,643,978,498
2. Các khoản tương đương tiền	112		22,000,000,000	12,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,896,505,789	24,532,275,490
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	16,144,187,973	22,988,314,399
2. Trả trước cho người bán	132			



				64,320,000	39,750,000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	887,997,716	1,594,211,091
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3,027,778,532</b>	<b>2,926,354,174</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	3,027,778,532	2,926,354,174
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,402,251,765</b>	<b>1,349,494,751</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	1,311,712,665	1,066,423,283
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		90,539,100	83,071,468

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32,433,683,109</b>	<b>34,858,366,447</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30,273,683,109</b>	<b>34,858,366,447</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	28,317,301,800	32,347,311,736
	Nguyên giá	222		45,916,335,321	43,268,019,521
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,599,033,521)	(10,912,707,785)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-

	Giá trị hao mòn lũy kế		226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	V.7	227	1,956,381,309	2,511,054,711
	Nguyên giá		228	2,822,181,901	2,822,181,901
	Giá trị hao mòn lũy kế		229	(865,800,592)	(311,127,190)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Nguyên giá		241	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế		242	-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>	<b>2,160,000,000</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	V.8	251	2,160,000,000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác		258	-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn		261	-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác		268	-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>	<b><u>86,298,648,395</u></b>	<b><u>86,118,469,360</u></b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>15,537,199,864</b>	<b>14,992,412,195</b>
1.	Nợ ngắn hạn	310	15,537,199,864	14,992,412,195
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2.	Phải trả người bán	312	8,552,451,315	7,284,599,805
3.	Người mua trả tiền trước	313	171,036,489	4,238,256
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4,043,885,774	4,093,290,947
5.	Phải trả người lao động	315	631,095,683	760,818,451
6.	Chi phí phải trả	316	1,171,636,464	1,597,665,477

7.	Phải trả nội bộ	317	-	-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	970,956,958	1,058,985,898
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-
11.	Quy khon thường, phúc lợi	323	V.14	(4,762,820)	192,813,051
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	-	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-	-
9.	Quy phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70,853,448,531</b>	<b>71,118,057,165</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70,853,448,531</b>	<b>71,118,057,165</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	60,000,000,000	60,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7.	Quy đầu tư phát triển	417	V.15	865,337,427	857,894,285
8.	Quy dự phòng tài chính	418	V.15	894,245,742	888,792,600
9.	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	8,093,865,362	9,773,380,280
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
12.	Quy hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-

II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	435	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>	<b>86,390,648,395</b>	<b>86,310,469,360</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài	-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5.	Ngươi tệ các loại	-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2011

 Đào Huỳnh Kim  
 Người lập biểu  
 (Đã ký)

 Lâm Văn Bình  
 Kế toán trưởng  
 (Đã ký)

 Vũ Đình Đăng  
 Tổng Giám đốc  
 (Đã ký, đóng dấu)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	01	VI.1	82,360,974,917	85,028,970,452
2.		02	-	-
3.	10	VI.1	82,360,974,917	85,028,970,452

4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68,085,624,950	65,530,112,130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,275,549,967	16,498,858,322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,301,890,519	429,812,642
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	16,416,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	3,249,385,205	3,249,996,971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,327,855,182	13,662,257,993
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1,222,348,748	765,875,293
12. Chi phí khác	32	VI.6	296,832,921	499,662,870
13. Lợi nhuận khác	40		925,515,827	266,212,423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,253,371,008	13,928,470,416
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	3,880,713,935	2,505,283,602
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10,372,657,073</u>	<u>11,423,186,814</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>1,729</u>	<u>1,904</u>

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2011

 Đào Huỳnh Kim  
 Người lập biểu  
 (Đã ký)

 Lâm Văn Bình  
 Kế toán trưởng  
 (Đã ký)

 Vũ Đình Đăng  
 Tổng Giám đốc  
 (Đã ký, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,253,371,000	13,928,470,416
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6, V7	7,240,999,138	7,640,395,059
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VL2	-	-
- Chi phí lãi vay	06		(2,105,750,000)	(504,750,684)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19,388,620,146	21,064,114,791
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7,428,302,149	(13,156,380,156)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(101,424,358)	2,203,527,590
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		832,622,129	4,721,916,885
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(245,289,382)	(1,031,808,114)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10	(3,861,591,861)	(1,803,473,467)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.14	(1,234,841,578)	(483,479,549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>22,206,297,646</b>	<b>11,594,417,989</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6, V.9	(2,765,696,864)	(5,388,364,553)

2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		298,636,364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.8	(2,160,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.13	238,500,000
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(4,851,228,789)</u>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại Cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15	(9,600,000,000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(9,600,000,000)</u>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		9,786,450,782	6,653,389,791
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	22,643,978,498	15,990,788,707
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	<u>32,429,929,280</u>	<u>22,643,978,498</u>

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2011

Đào Huỳnh Kim

Người lập báo

Lâm Văn

Bình Kế  
trưởng toán

Vũ Đình Đăng

Tổng Giám đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát); sản xuất vật liệu xây dựng; san lấp mặt bằng.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 142 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 134 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**



Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 11
Máy móc và thiết bị	02 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2,5 - 05

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Chi phí cho hoạt động nghiên cứu thực hiện với mục đích thu thập tri thức về khoa học hoặc kỹ thuật mới được hạch toán vào ngay chi phí khi phát sinh.

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào một kế hoạch, vào thiết kế để sản xuất sản phẩm mới hoặc cải tiến một cách cơ bản sản phẩm trước hiện hành trước khi bắt đầu sản xuất hoặc sử dụng mang tính thương mại được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc dây chuyền sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại. Công ty có đủ tiềm lực về kỹ thuật và tài chính để hoàn tất việc triển khai. Chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ theo tỷ lệ hợp lý. Chi phí triển khai khác được hạch toán vào chi phí khi phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

Chi phí nghiên cứu và triển khai được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

### 7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 9. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu

nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	354.938.271	327.159.467
Tiền gửi ngân hàng	10.075.491.009	10.316.819.031
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.430.429.280</b>	<b>22.643.978.498</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng trở xuống.

**2. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	13.898.807.027	21.223.483.436
Công ty cổ phần giao thông thủy lợi Bình Dương	411.694.602	966.237.096
Công ty TNHH Việt Phát	1.160.812.664	505.397.442
Các khách hàng khác	672.873.680	293.196.425
<b>Cộng</b>	<b>16.144.187.973</b>	<b>22.988.314.399</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	467.500.000	-
Tiền tạm ứng có tức	-	600.000.000
Phải thu tiền chi hộ đầu	413.960.804	898.432.255
Phải thu khác	6.536.932	5.778.836
<b>Cộng</b>	<b>887.997.736</b>	<b>1.504.211.091</b>

**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.213.948.253	1.263.217.724
Công cụ, dụng cụ	65.583.633	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	903.011.612	952.240.482
Thành phẩm	845.235.034	710.895.968
<b>Cộng</b>	<b>3.027.778.532</b>	<b>2.926.354.174</b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	900.818.209	730.826.628
Vỏ xe	410.894.456	335.596.655
<b>Cộng</b>	<b>1.311.712.665</b>	<b>1.066.423.283</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.205.877.471	25.399.460.253	14.468.543.766	186.138.031	43.260.019.521
Mua sắm mới	-	2.150.000.000	124.620.800	10.160.000	2.284.780.800
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	371.535.000	-	-	371.535.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.205.877.471</b>	<b>27.920.995.253</b>	<b>14.593.164.566</b>	<b>196.298.031</b>	<b>45.916.335.321</b>

Trong đó:



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

	Nhà cấu, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	116.477.280	-	-	116.477.280
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	542.912.764	6.098.850.304	4.218.135.946	52.808.771	10.912.707.785
Khấu hao trong năm	354.161.977	4.094.042.601	2.201.115.136	37.006.022	6.686.325.736
<b>Số cuối năm</b>	<b>897.074.741</b>	<b>10.192.892.905</b>	<b>6.419.251.082</b>	<b>89.814.793</b>	<b>17.699.033.521</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.662.964.707	19.300.609.949	10.250.407.820	133.329.260	32.347.311.736
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.308.802.730</b>	<b>17.728.102.348</b>	<b>8.173.913.484</b>	<b>106.483.238</b>	<b>28.317.301.800</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

## 7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.822.181.901	311.127.190	2.511.054.711
Tăng trong năm	-	554.673.402	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.822.181.901</b>	<b>865.800.592</b>	<b>1.956.381.309</b>

## 8. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3701799724 ngày 12 tháng 11 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình 7.200.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.160.000.000 VND, tương đương 18% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình là 5.040.000.000 VND.

## 9. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp nhiên liệu	1.693.672.736	1.056.304.675
Phải trả nhà cung cấp chất nổ	1.271.270.813	1.751.544.137
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	107.500.000	216.881.064
Phải trả tiền thuê xe cước đất và đá	1.814.571.830	1.839.627.281
Phải trả tiền mua vật tư và phụ tùng	3.523.130.336	2.013.819.020
Phải trả các dịch vụ khác	142.305.600	406.422.838
<b>Cộng</b>	<b>8.552.451.315</b>	<b>7.284.599.015</b>

## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.268.634.691	3.885.105.400	(4.763.967.542)	389.772.549



	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.456.292.405	3.880.713.935	(3.861.591.461)	2.475.414.879
Thuế thu nhập cá nhân	11.053.491	174.805.408	(163.410.126)	22.448.773
Thuế tài nguyên	254.762.880	4.971.902.167	(4.144.452.514)	1.082.212.533
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	102.547.480	912.473.400	(940.983.840)	74.037.040
<b>Cộng</b>	<b>4.093.290.947</b>	<b>13.825.000.310</b>	<b>(13.874.405.483)</b>	<b>4.043.885.774</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.253.371.008	13.928.470.416
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	296.805.521	387.435.880
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	14.550.176.529	14.315.906.296
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>3.637.544.132</b>	<b>3.578.976.574</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)</b>	<b>-</b>	<b>(1.073.692.972)</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>243.169.803</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>3.880.713.935</b>	<b>2.505.283.602</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% số thuế phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

### Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác. Thuế suất thuế tài nguyên như sau:

- Khai thác đá, sỏi	5%	6%
- Khai thác đất	3%	



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 11. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 phải trả.

#### 12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	557.635.000	408.325.000
Chi phí cuộc đá	291.450.154	680.700.513
Chi phí khoan mỏ đá	320.203.802	508.639.964
Chi phí phải trả khác	2.347.509	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.171.636.464</u></b>	<b><u>1.597.665.477</u></b>

#### 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	192.800.692	572.367.494
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	288.669.649	134.761.515
Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng	470.887.617	345.549.264
Phải trả, phải nộp khác	18.599.000	6.307.625
<b>Cộng</b>	<b><u>970.956.958</u></b>	<b><u>1.058.985.898</u></b>

#### 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	192.813.051
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.037.265.707
Chi quỹ	<u>(1.234.841.578)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(4.762.820)</u></b>

#### 15. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	5.608.213.062	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.423.186.814	11.423.186.814
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	657.884.285	686.792.600	(1.858.019.596)	(513.342.711)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>657.884.285</u></b>	<b><u>686.792.600</u></b>	<b><u>9.773.380.280</u></b>	<b><u>5.509.844.103</u></b>
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	657.884.285	686.792.600	9.773.380.280	71.118.057.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.372.657.073	10.372.657.073
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	207.453.142	207.453.142	(1.452.171.991)	(1.037.265.707)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>865.337.427</u></b>	<b><u>894.245.742</u></b>	<b><u>9.093.865.362</u></b>	<b><u>70.853.448.531</u></b>





**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	9.600.000.000
Tạm ứng cổ tức	-
<b>Cộng</b>	<b>9.600.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán thành phẩm.

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	9.701.874.820	12.697.680.460
Chi nhân công trực tiếp	5.453.951.220	5.720.887.359
Chi phí sản xuất chung	53.014.909.105	47.779.527.253
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>68.170.735.146</b>	<b>66.198.095.072</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.228.870	(329.054.216)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>68.219.964.016</b>	<b>65.869.040.856</b>
Nhập thành phẩm mua ngoài	-	251.962.520

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(134.339.066)	2.409.108.754
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>68.085.624.950</b>	<b>68.530.112.130</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	196.140.519	191.312.642
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.105.750.000	238.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.301.890.519</b>	<b>429.812.642</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.140.131.071	2.287.511.163
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.461.137	120.132.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.749.736	104.860.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.150.789	257.467.276
Chi phí khác	669.892.572	480.025.226
<b>Cộng</b>	<b>3.249.385.305</b>	<b>3.249.996.971</b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	298.636.364
Thu nhập từ bán điện	370.130.080	-
Thu tiền bán mù cao su	271.000.000	177.753.138
Thu nhập từ thanh lý vật tư	277.452.727	273.525.000
Thu tiền cho thuê kho	10.909.091	-
Thu nhập khác	292.856.850	15.960.791
<b>Cộng</b>	<b>1.222.348.748</b>	<b>765.875.293</b>

**6. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	32.385.680
Chi phí phân bón, nhân công cạo mù cao su	-	43.170.000
Chi ủng hộ, hỗ trợ	-	208.000.000
Chi phí khác	27.400	216.107.190
Thuế bị phạt, bị truy thu	296.805.521	-
<b>Cộng</b>	<b>296.832.921</b>	<b>499.662.870</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.372.657.073	11.423.186.814
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.372.657.073	11.423.186.814
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.729</b>	<b>1.904</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.261.672.432	29.416.243.055
Chi phí nhân công	7.594.082.291	8.008.398.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.240.999.138	7.640.395.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.776.768.410	20.070.003.336
Chi phí khác	6.546.598.179	4.329.468.071
<b>Cộng</b>	<b>71.420.120.451</b>	<b>69.464.508.043</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**
**1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	637.000.746	581.534.710
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	8.045.403	9.309.756
Tiền thưởng	250.824.180	281.718.737
<b>Cộng</b>	<b>903.327.943</b>	<b>872.563.203</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

	Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		Công ty mẹ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần giao thông thủy lợi Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Bán thành phẩm	61.573.529.717	75.764.193.977
Tiền thuê xe cước	-	128.000.000
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Bán thành phẩm	1.117.992.900	51.684.445
Mua bê tông	-	63.588.000
<b>Công ty cổ phần giao thông thủy lợi Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm	4.707.543.030	3.845.145.330
<b>Công ty cổ phần phát triển đô thị</b>		
Bán thành phẩm	7.620.480	960.098.911
Mua tài sản cố định	-	1.980.952.382

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Bán thành phẩm	13.989.807.027	21.223.483.436
<b>Công ty cổ phần giao thông thủy lợi Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm	411.694.602	966.237.096
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Bán thành phẩm	189.004.376	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>14.590.506.005</b>	<b>22.205.276.337</b>

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2011

**Đào Huỳnh Kim**  
Người lập biểu

**Lâm Văn Bình**  
Kế toán trưởng

**Vũ Đình Đăng**  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương - ĐT: 0650 688126 / Fax: 0650 688125

Báo cáo thường niên năm 2010



**BAKER TILLY**  
**A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Địa điểm văn phòng: 229 Đường Khảo Sát, Quận 1, Hồ Chí Minh City  
Số điện thoại: 08 224 245 245 - Fax: 08 224 245 244  
Địa điểm chi nhánh: 40 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh City  
Địa điểm chi nhánh: 18 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh City  
Địa điểm chi nhánh: 162/24 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Hồ Chí Minh City  
www.btc.com.vn

**V- BÀN GIẢI TRÌNH BẢO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BẢO CÁO KIỂM TOÁN:**  
Số: 0188/2011/BCTC-KTTV

## BẢO CÁO KIỂM TOÁN

**VỀ BẢO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

**Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2011



## **VI-CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:**

**1- Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex nắm giữ 60% cổ phần chi phối đối với Công Ty cổ phần đá ốp lát An Bình.**

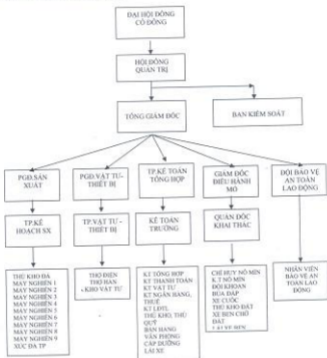
### **2- Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan:**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT AN BÌNH
- Địa chỉ: Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Tỷ lệ góp vốn: 60%
- Thông tin về Công Ty cổ phần đá ốp lát An Bình:

Công Ty cổ phần đá ốp lát An Bình (gọi tắt là ABG) là Công Ty con thuộc Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex với chức năng hoạt động: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3701799724 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2011.

Hiện tại Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình trong trong giai đoạn xây dựng cơ bản và lắp đặt máy, dự kiến 150 ngày tới công trình sẽ hoàn thành đưa vào vận hành và chạy thử nghiệm. Sản phẩm chủ yếu do công ty sản xuất là đá ốp lát dùng lót nền, với từng kích cỡ theo yêu cầu thị trường. Nguồn nguyên liệu đá khối chủ yếu do Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex trực tiếp cung cấp.

**VII- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**  
**1/- Cơ cấu tổ chức của Công Ty:**



**2/- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

**Ông VŨ ĐÌNH ĐĂNG**

Ngày sinh: 12/10/1954

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 41/9 Dương Đức Hiền, P.Tây Thanh, Quận Tân Phú TP.HCM



Điện thoại liên lạc cơ quan: 0650-3688126

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1977 – 2002: CB kỹ thuật – Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam.
- Từ năm 2003 đến T.6/2008: Cán bộ Công Ty đầu tư và phát triển Công nghiệp (Becamex IDC).
- Từ T.6/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex, thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: 12.800 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty:

Không có

Những người liên quan có quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty: Không có

### **Ông VÔ THÀNH TÀI.**

Ngày sinh: 12/02/1976

Nơi sinh: Tân Uyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Trạch, xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại liên lạc cơ quan: 0650-3688126

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý.

Quá trình công tác:

- Từ năm 2000- 2002: CNV Phòng công nghiệp giao thông xây dựng huyện Phú Giáo.
- Từ năm 2002 đến T.6/2008: làm việc tại XI nghiệp khai thác khoáng sản thuộc Công Ty đầu tư và phát triển Công nghiệp (Becamex IDC).
- Từ T.6/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex.
- Ngoài chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex, ngày 02/10/2010 được HĐQT cử làm đại diện 60% vốn góp với chức danh là Chủ Tịch Hội đồng quản trị Công Ty cổ phần đá ốp lát An Bình.

Số cổ phần nắm giữ: 4.000 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty:

Không có

Những người liên quan có quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty: Không có

### **Ông PHẠM THÀNH SƠN.**

Ngày sinh: 12/03/1974

Nơi sinh: Biên Hòa.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương,

Địa chỉ thường trú: 1704 Hồng Lạc, P.10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên lạc cơ quan: 0650-3688126

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện công nghiệp.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1995- 2002: làm việc tại nhà máy cao su Bù Chi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Từ năm 2002 đến T.6/2008: làm việc tại Xí nghiệp khai thác khoáng sản thuộc Công Ty đầu tư và phát triển Công nghiệp (Becamex IDC).
- Từ T.6/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công Ty cổ phần khoáng sản Becamex.

Số cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty:

Không có

Những người liên quan có quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty: Không có

**3- Thay đổi Giám Đốc điều hành trong năm:**

Không có.

**4- Quyền lợi của Ban Giám Đốc trong năm 2010:**

TT	Chức danh	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Tổng Giám Đốc	216.191.708	75.991.800	18.000.000	310.183.508
2	P.Tổng Giám Đốc	176.322.600	61.741.200	0	238.063.800
3	P.Tổng Giám Đốc	170.058.800	61.741.200		231.800.000

**5- Số người lao động trong Công Ty:**

Tổng số lao động của Công Ty tại thời điểm ngày 31/12/2010 là 142 người, trong đó: Lao động gián tiếp 27 người (Chiếm 20,15%).

**6- Chính sách đối với người lao động:**

- Thời gian làm việc: Công Ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên khối Văn phòng làm việc theo giờ hành chính, trường hợp làm thêm giờ được tính công theo quy định. Công nhân lao động trực tiếp khoán theo sản phẩm.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: thực hiện theo Luật lao động.

- Các chế độ, phúc lợi:

\* Hợp đồng lao động: 100%.

\* Bảo hiểm bắt buộc: 100%.

\* Trang bị bảo hộ lao động: 100%.

\* Bồi dưỡng độc hại: Đầy đủ.

\* Trang phục: Định kỳ 1 năm lần.

\* Tiền ăn giữa ca.

\* Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.

\* Các chế độ phúc lợi khác...

- Chính sách tuyển dụng: Theo thỏa thuận giữa hai bên, ứng với trình độ và năng lực chuyên môn của từng lao động mà bố trí công việc phù hợp.

+ *Tuyển dụng:* Mục tiêu tuyển dụng của Công Ty là thu hút lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Công Ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiến tạo đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

+ *Đào tạo:* Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CB. Tham gia đầy đủ các buổi học tập về an toàn lao động, kỹ thuật nổ mìn. ...

#### **7- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị có 03 thành viên. Trong năm 2010 không có sự thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị.

#### **8- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Tại Đại hội thường niên lần thứ 3 ngày 29/04/2010 đã biểu quyết miễn nhiệm bà Phạm Thị Hiếu khỏi chức danh thành viên Ban kiểm soát và bầu bà Bùi Thị Hồng Ánh là thành viên mới thay thế trong Ban kiểm soát.

### **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

#### **1/- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

##### **a)- Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2008-2012:**

- |                            |                   |                       |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng      | - Chủ tịch HĐQT   | - Thành viên độc lập  |
| - Ông Quảng Văn Việt Cường | - Thành viên HĐQT | - Thành viên độc lập  |
| - Ông Vũ Đình Đáng         | - Thành viên HĐQT | - Kiểm Tổng Giám Đốc. |

##### **b)- Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2008-2012:**

- |                        |                  |                      |
|------------------------|------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Tấn Thuận | - Trưởng ban     | - Thành viên độc lập |
| - Bà Lý Thị Bình       | - Thành viên BKS | - Thành viên độc lập |
| - Bà Bùi Thị Hồng Ánh  | - Thành viên BKS | - Thành viên độc lập |

#### **c)- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng trong Công Ty cổ phần, do đó trong hoạt động chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công Ty cổ phần khoáng sản Beamex luôn bám sát và thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ Công Ty. Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị đã ban hành những Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị.

- Hội đồng quản trị thống nhất cao nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng đã đề ra; ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, thực hiện đầy đủ chính sách cho NLD theo quy định; đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận và chia cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ..

- Tham gia chỉ đạo và ban hành các Nghị quyết điều chỉnh kịp thời trong việc tổ chức SXKD của Công Ty nhằm thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như các kế hoạch trung và dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được lấy ý kiến cổ đông, sự đồng thuận và thống nhất tuyệt đối của HĐQT, trong không khí cởi mở và dân chủ.

**d- Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Không có**

**e)- Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 04/06/2010	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 05/04/2011	Thay đổi tỷ lệ sở hữu
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Văn Dũng	0,03%	0,03%	0%
2	Quảng Văn Việt Cường			
3	Vũ Đình Đáng	0,21%	0,21%	0%
<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Tấn Thuận	0,08%	0	100%
2	Lý Thị Bình			
3	Bùi Thị Hồng Ánh			
<b>Cộng</b>		<b>0,32%</b>	<b>0,24%</b>	

**f)- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông lớn và những người có liên quan đến đối tượng trên (Từ ngày 04/06/2010 đến 05/04/2011).**

TT	Họ và tên	Loại giao dịch	
		Chuyển nhượng cổ phiếu	Nhận chuyển nhượng cổ phiếu
<b>I</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Nguyễn Tấn Thuận	5.000	
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>Cộng</b>		<b>5.000</b>	

**2/- Các dữ liệu thống kê về cổ đông ( Số liệu ngày 05/04/2011)**

**a)- Cổ đông Nhà nước:**

- Tên tổ chức: Tổng Công Ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV
- Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Số cổ phần nắm giữ: 4.479.600 cổ phần (74,66%/VDL).

**b)- Số liệu về cơ cấu cổ đông:**

**- Cổ đông trong nước:**

Chi tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ/VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết:</b>	<b>4.793.513</b>	<b>79,89%</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	
+ Tổng Công Ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)	4.479.600	74,66%	01	01	
+ Công Ty cổ phần Chứng khoán Đệ nhất	313.913	5,23%	01	01	
<b>Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết:</b>	<b>1.196.487</b>	<b>19,94%</b>	<b>170</b>	<b>05</b>	<b>165</b>

**- Cổ đông nước ngoài:**

Chi tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ/VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết:	10.000	0,16%	01		01

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VĂN ĐÙNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu TT HĐQT,
- Văn thư.